

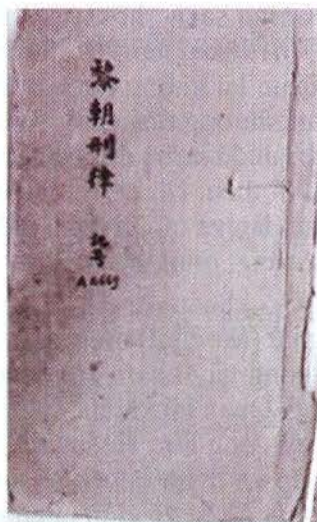
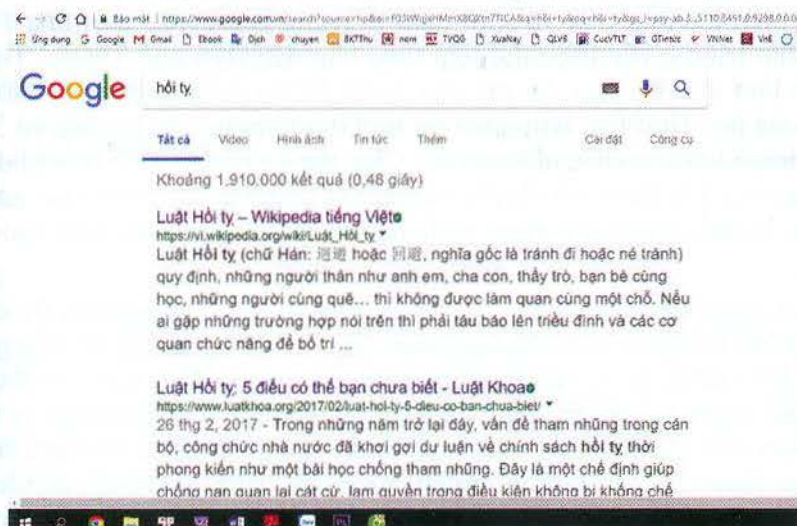
LUẬT HỒI TỶ VÀ NHỮNG DẤU ẤN TRONG CHÂU BẢN TRIỀU NGUYỄN, DI SẢN TƯ LIỆU THẾ GIỚI - NHỮNG GIÁ TRỊ CỦA TRUYỀN THỐNG DỤNG NHÂN, TRỊ QUỐC

Bài 1. LUẬT HỒI TỶ TRONG DÒNG CHẢY LỊCH SỬ

**PHÍ THỊ NHUNG – ĐÀO HẢI YẾN
NGUYỄN VĂN KẾT**

Dụng nhân, trị quốc là phép dùng người nói chung và phương cách dùng người, bổ nhiệm/miễn nhiệm, thưởng/phạt công tội của bề tôi mà bậc đế vương thực hiện nhằm làm cho quốc gia hưng thịnh, triều chính/chế độ vững bền. Đó là điều mà tất cả các triều đại, chế độ xã hội đều phải quan tâm và dốc lòng, dồn sức để thực hiện bằng nhiều biện pháp trong đó có biện pháp được nâng lên thành luật/lệ quy định chính thức trong hệ thống pháp luật của quốc gia cũng như coi những quy định đó làm mẫu mực thực hiện qua nhiều đời, nhiều thế hệ. Luật/lệ Hồi tỵ¹ là một trong những biện pháp được coi trọng nhất để *dụng nhân, trị quốc* áp dụng từ triều đại phong kiến được cho là thịnh trị nhất chế độ phong kiến Việt Nam – triều Lê Thánh Tông với Luật Hồng Đức (Lê triều hình luật hay Bộ Quốc triều hình luật) đến triều đại phong kiến cuối cùng ở Việt Nam - triều Nguyễn với Di sản tư liệu thế giới mang dấu ấn sử liệu - pháp lí ghi nhận trong các Châu bản - Di sản tư liệu thế giới.

Và, tại thời điểm thực hiện chuyên đề này, với từ khóa “hồi tỵ”, công cụ tra tìm Google.com.vn trên mạng Internet đã cho các kết quả liên quan đến nội dung này như sau:



Kết quả tra tìm theo từ khóa “Hồi Tỵ” và bìa của Bộ Luật Hồng Đức

Với thông tin có **1.910.000** kết quả liên quan đến luật/lệ Hồi tỵ đã chứng tỏ sự quan tâm của xã hội, giới nghiên cứu/học thuật về lĩnh vực này. Tuy nhiên, khi đọc nội dung trong số gần 2 triệu kết quả nói trên, chúng tôi không thấy bất cứ một nghiên cứu nào khai thác những nội dung lịch sử, pháp lí liên quan đến luật/lệ Hồi tỵ từ *Châu bản triều Nguyễn – Di sản tư liệu thế*

giới 2017 - thông tin gốc (thông tin cấp 1) - nguồn để các sử gia triều đại này viết ra những bộ chính sử như Đại Nam Thực lục, Đại Nam điển lệ... Đặc biệt, những nghiên cứu về luật/lệ Hồi ty để học hỏi kinh nghiệm của quá khứ và những khuyến nghị áp dụng “hồi ty” cho việc công tác cán bộ và các hoạt động công quyền khác hiện nay đều trích dẫn, minh chứng từ các bộ sử của thời phong kiến, nhất là của triều Nguyễn. Trong khi đó, Châu bản triều Nguyễn là thông tin gốc, thông tin có giá trị kép: sử liệu – pháp lí với tính xác thực cao, cụ thể, chi tiết với từng trường hợp đã thực thi/xử lí qua việc ghi nhận hoạt động của các cấp chính quyền triều Nguyễn từ trung ương đến địa phương lại chưa được khai thác. Điều này chính là lí do để chúng tôi thực hiện chuyên đề **“Luật Hồi ty và những dấu ấn trong Châu bản triều Nguyễn - Di sản tư liệu thế giới, những giá trị của truyền thống dụng nhân, trị quốc”** nhằm góp một tiếng nói trong việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhất là góp phần đưa ước mong, tinh thần “hồi ty” của Nghị quyết Hội nghị TW 7, Khóa XII hiện nay vào cuộc sống.

*

Vài thông tin về luật/lệ Hồi ty

Theo mục từ Rule of avoidance (Quy tắc tránh)² và các từ điển mở:

Hồi ty (chữ Hán: 迴避 hoặc 回避 – tiếng Anh: rule of avoidance) nguyên nghĩa là: **tránh né, lánh đi**. Như vậy, “hồi ty” có thể hiểu trong bối cảnh này là **quy tắc tránh việc quan lại trở về chốn xuất thân để làm quan**. Với ý nghĩa ban đầu như vậy, sau này được bổ sung thêm, theo đó chính sách “hồi ty” ngoài việc không cho phép quan lại địa phương làm quan ở quê hương của mình còn cấm họ làm quan ở nơi có bà con là thuộc liêu (quan cấp dưới), hoặc nơi có gia đình nhà vợ, người thân trong gia tộc.

Luật/lệ Hồi ty đối với quan lại có những biến thể khác nhau ở từng thời kì, tại từng quốc gia khác nhau. Nhưng nhìn chung, **tinh thần xuyên suốt của “hồi ty” là để ngăn ngừa tham nhũng, kéo bè kết cánh theo dòng tộc, hay thân thuộc của quan chức địa phương, giúp chính quyền trung ương tập quyền kiểm soát được quyền lực**.

Chính sách “hồi ty” xuất hiện lần đầu tiên và sớm nhất ở Trung Quốc vào thời nhà Tùy (581- 619) và tiếp tục được phát triển ở các triều đại tiếp theo cho đến thời nhà Thanh. Theo đó, quan lại không được phép làm quan tại quê hương của mình để gia đình và bạn bè không thể ảnh hưởng đến công việc của họ. Thời hạn làm quan tại một địa phương chỉ kéo dài từ 3-4 năm, sau đó họ sẽ được luân chuyển đi nơi khác nhậm chức. Cha, mẹ và con trên 15 tuổi không được đi theo. Như vậy, các quan lại khi được bổ nhiệm về các địa phương, họ hoàn toàn xa lạ với cư dân và môi trường ở đó. Vì thế, tình trạng thiên vị thân hữu sẽ không xảy ra, đảm bảo sự công bằng, minh bạch.

Vào khoảng thế kỉ XVI, ở vùng đất nay thuộc Ấn Độ, Pakistan và Afghanistan, đế chế Mughal (Mongol) do Akbar đại đế thống trị cũng đã từng xuất hiện hệ thống tương tự “hồi ty”. Hệ thống này nhằm đảm bảo Nhà nước được vận hành trôi chảy và ngăn chặn nguy cơ tham nhũng. Quan lại không được giữ chức quá lâu để tránh thâm tóm quyền lực ở địa phương và trở nên uy vọng hơn Hoàng đế. Sau một khoảng thời gian nhất định, các quan chức sẽ được điều chuyển và thẩm quyền sẽ được luân chuyển thường xuyên. Việc vận hành hệ thống này dưới thời vua Akba đã giúp ngăn ngừa tham nhũng và sự thiên vị. Tuy nhiên, cách làm này đã bị các hoàng đế thế hệ sau lãng quên.

Luật/lệ Hồi ty ở Việt Nam

Luật/lệ Hồi ty xuất hiện sớm nhất từ triều Hậu Lê của vua Lê Thánh Tông (1460 - 1497), trong một nỗ lực cải cách hành chính và quan chế của ông. Dựa trên những kinh nghiệm trị quốc sau 26 năm đầu cầm quyền, Lê Thánh Tông đã ban bố những chiếu, lệnh về “hồi ty”, xây dựng chính sách này ngày một hoàn thiện trong 11 năm sau đó.

Triều Lê Sơ là thời kì đầu tiên ban hành Luật “hồi ty” - luật hạn chế tham nhũng quyền lực, thông qua các quy định ngăn chặn việc kéo bè, kéo cánh hay nâng đỡ người thân quen, cả nhà làm quan... Triết lí hồi ty là *tránh đi*, khởi nguồn từ sự nghiệp cải cách nền hành chính quốc gia toàn diện và sâu sắc của vua Lê Thánh Tông - một vị vua anh minh đứng đầu thể chế quân chủ phong kiến trị vì đất nước suốt 38 năm (1460-1497). Do vậy, quan điểm của ông khi áp dụng “hồi ty” bởi *Trăm quan là nguồn gốc của trị, loạn. Quan có đức, có tài thì nước trị. Quan vô đức, kém tài là thêm, bậc dẫn đến hoạ loạn.*

Năm 1486 (năm Bính Ngọ niên hiệu Hồng Đức), vua Lê Thánh Tông ra chỉ dụ *cấm quan lại lấy vợ cùng làm việc nơi làm quan* nhằm phân nào ngăn chặn tình trạng các bà vợ quan “chỉ huy” các ông quan chồng để thao túng quyền hành.

Năm 1488, vua Lê Thánh Tông ban hành quy định, *hễ là anh em ruột, anh em con chú, con bác, bác cháu, cậu cháu với nhau thì chỉ cho một người làm xã trưởng, không được cho cả hai cùng làm để trừ nguy cơ bè phái.*

Đến năm 1496, quy định được mở rộng đến cả những người là anh em con cô con cậu, con dì con già và cả những người là thông gia với nhau không được cùng làm xã trưởng. Cụ thể, Điều 375 Quốc triều hình luật (Luật Hồng Đức), đoạn 258 Hồng Đức Thiên Chính Thư có quy định các nội dung của Luật Hồi ty như sau:

- Quan lại không được tậu đất, vườn, ruộng, nhà tại nơi cai quản;
- Quan lại không được lấy người cùng quê làm người giúp việc;
- Người có quan hệ thầy trò, bạn bè không được làm việc tại cùng một công sở;
- Các lại dịch nha môn, các bộ ở kinh đô và các tỉnh là con, anh em ruột, anh em con chú, con bác với nhau thì phải tách ra, đổi bỏ đi nơi khác;
- Các quan lại không được làm quan ở nơi trú quán (nơi từng ở một thời gian lâu dài), ở quê vợ, quê mẹ mình, thậm chí cả nơi học tập lúc nhỏ hoặc lúc trẻ tuổi;
- Các lại mục, thông lại cũng không được làm việc ở phủ huyện là quê hương mình;
- Các lại mục, thông lại các nha thuộc các phủ huyện là người cùng làng cũng phải chuyển bỏ đi nơi khác;
- Các quan viên từ Tham biện trở lên ở các trấn, tỉnh về kinh đô châu được dự đình nghị, song trong các cuộc họp có bàn việc liên quan đến địa phương mà mình nhậm trị thì không được vào dự;
- Các khảo quan (coi thi, chấm thi) có người thân thích dự thi ở trường mình thì phải báo lên cấp trên để tránh đi. Nếu cố tình không khai báo sẽ bị trọng tội vì cố ý làm trái;
- Các quan thanh tra, xét xử thấy trong vụ án, vụ điều tra có người thân quen của mình (bà con nội, ngoại, bạn thân...) đều phải khai báo và hồi ty ngay;
- Cấm quan đầu tỉnh lấy vợ trong trị hạt vì sợ gia đình vợ những nhiễu;
- Cấm các quan tậu ruộng vườn, nhà cửa trong trị hạt vì sợ quan ức hiếp dân để được mua rẻ; cấm tư giao với đàn bà con gái trong trị hạt;
- Cấm các quan lại đã về hưu quay lại cửa công để cầu cạnh...

“Quốc triều hình luật”³ cũng có nhiều điều khoản đặt ra nhằm hạn chế các thể lực ảnh hưởng đối với triều đình (điều 78, 168, 204, 208, 216, 230, 330, 337, 372, ...); hạn chế sự lạm quyền (điều 49, 150, 153, 163, 213, 675, 720, ...); buộc các quan đại thần phải tuyệt đối trung thành và tận tụy với nhà vua (điều 234, 236, 624, 625, ...).

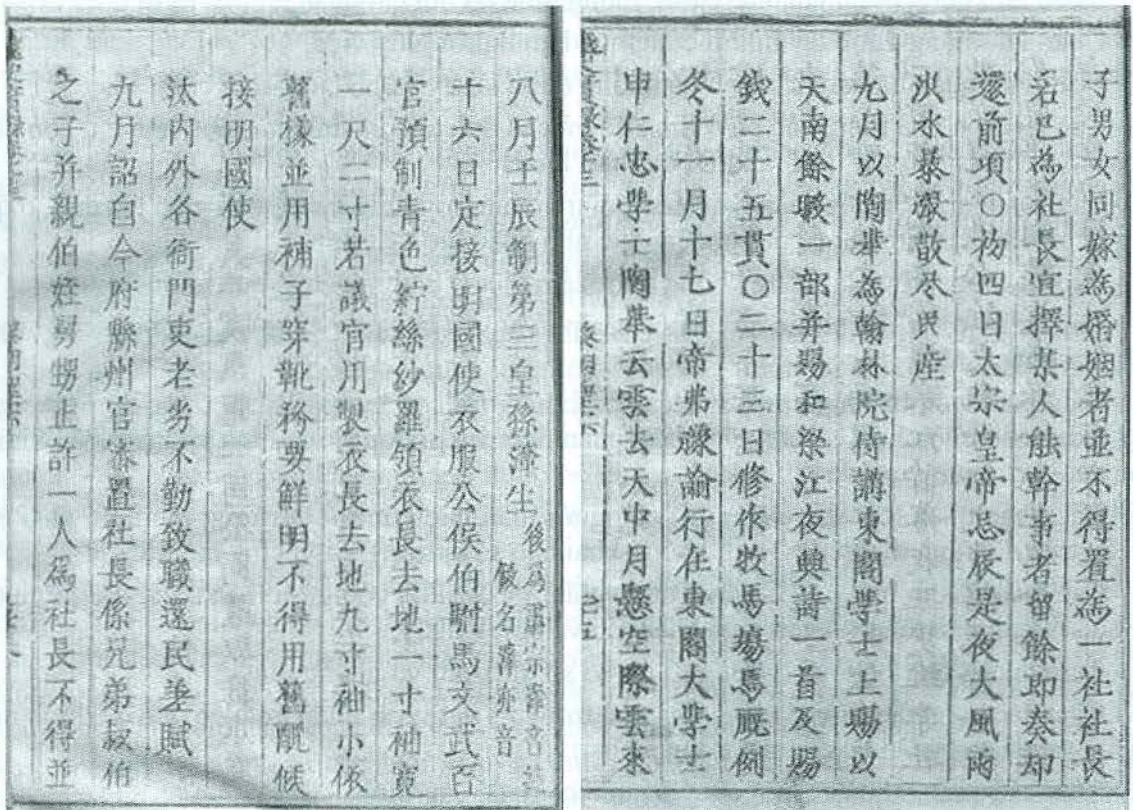
Điều 98 (2) I Quan chấm thi quan hệ bà con với kẻ dự thi phải hồi ty, kẻ ấy không hồi ty thì bị phạt 50 roi, biếm 1 tư. Nếu là quan di phong, đăng lục thì phạt 80 trượng. Nếu là thi Hương

thì được giảm một bậc. Các khảo quan (có khi không hồi ty) thì cũng được giảm một bậc cùng với các quan di phong, đẳng lục. Không cần hồi ty mà hồi ty thì xử cũng như thế.

Điều 689 (32) : Những người đi kiện hay bị kiện xin hồi ty (tránh mặt) ngục quan thì giao cho các quan viện thẩm hình, hội đồng xét xử, Nếu thấy việc cho tránh mặt ngục, quan ấy thì mới được giao qua ti khác xét xử, hoặc vì tình riêng mà bản ti cố giữ lại để xét thì xử phạt hay biếm. Ngục lại cũng bị tội như thế.

Bộ luật Hồng Đức⁴ là bộ luật hình chính thống được hoàn chỉnh ở triều đại Lê Thánh Tông (Hồng Đức) thế kỉ XV, là bộ luật cổ bằng chữ Hán còn lưu giữ được tương đối đầy đủ ở Viện Nghiên cứu Hán Nôm (Hà Nội). BQTHL có 13 chương, 722 điều, gồm 6 quyển. Việc xác định thời điểm ban hành BQTHL vẫn chưa được khẳng định dứt khoát. Theo ý kiến nhiều nhà sử học thì Bộ luật đã được khởi thảo từ những năm đầu của triều Lê, được bổ sung, hoàn chỉnh trong suốt triều Lê, trong đó có những đóng góp to lớn của Lê Thánh Tông. Đây là Bộ luật tiến bộ trong các bộ luật dưới các triều đại phong kiến Việt Nam. Đối tượng áp dụng của chính sách hồi ty dưới thời Lê Thánh Tông là các vị quan đứng đầu bộ máy chính quyền dân sự và quân sự địa phương. Quan trọng nhất là cấp cơ sở – *quan xã*, những người dễ dàng bị ràng buộc bởi nhiều mối quan hệ gia đình, gia tộc, không thể giữ được sự công tâm, khách quan trong công việc.

Đại Việt sử ký toàn thư (ĐVSKTT) trang 58a, 75a chép:



trang 58a, 75a bản dập sách Đại Việt sử ký toàn thư

Trang 58a ĐVSKTT, Thánh Tông Thuần Hoàng Đế (hạ)⁵:

Tách câu và Phiên âm

八月壬辰朔第三皇孫濬生 [後為肅宗濬音純假名□亦音.[58a*1*1]

Công bố - Khai thác phát huy giá trị tài liệu lưu trữ

Bát nguyệt, Nhâm Thìn, sóc, đệ tam hoàng tôn Thuần sinh [Hậu vi Túc Tông, Thuần âm Thuần, giả danh Thuần diệc âm].

十六日定接明國使衣服.[58a*2*1]

Thập lục nhật, định tiếp Minh quốc sứ y phục.

公侯伯駙馬文武百官預制青色紵絲紗羅領依長去地一寸袖寬一尺二寸若議官用製衣長去地九寸袖小依舊樣.[58a*2*11]

Công, hầu, bá, phò mã, văn võ bách quan dự chế thanh sắc trữ ti sa la lĩnh y trường khứ địa nhất thốn, tị khoan nhất xích nhị thốn, nhược nghị quan dụng chế y, trường khứ địa cửu thốn, tị tiểu y cựu dạng.

並用補子穿靴務要鮮明不得用舊醜候接明國使.[58a*5*3]

Tịnh dụng bổ tử xuyên ngoa vụ yếu giải minh, bất đắc dụng cựu sũu, hầu tiếp Minh quốc sứ.

汰內外各衙門吏老劣不勤致職還民差賦.[58a*7*1]

Thái nội ngoại các nha môn lại lão liệt, bất cần trí chức, hoàn dân sai phú.

九月詔自今府縣州官口置社長係兄弟叔伯之子並親伯姪舅甥止許一人為社長不得並.[58a*8*1]

Cửu nguyệt, chiếu tự kim, phủ, huyện, châu, quan tất trí xã trưởng, hệ huynh đệ thúc bá chi tử, tị thân bá diệt cửu sanh, chỉ hứa nhất nhân vi xã trưởng, bất đắc tịnh.

Dịch Quốc ngữ

Tháng 8, ngày Nhâm Thìn mồng 1, hoàng tôn thứ ba là Thuần sinh (sau là Túc Tông).

Ngày 16, định kiểu y phục để tiếp sứ nhà Minh.

Các công, hầu, bá, phò mã và các quan văn võ phải may sẵn áo tơ sa Trữ La màu xanh, có cổ áo bằng lụa, dài cách đất 1 tấc, ống tay áo rộng 1 thước 2 tấc, còn quan hộ vệ thì dùng chế y, dài cách đất 9 tấc, tay hẹp như kiểu cũ. Tất cả đều phải dùng bổ tử đi hia, màu sắc phải tươi sáng, không được dùng thứ cũ, xấu để đợi tiếp sứ nhà Minh.

Sa thái lại viên các nha môn, người nào già kém không siêng năng thì cho nghỉ việc về làm dân, chịu sai dịch, thuế má.

Tháng 9, xuống chiếu rằng: Từ nay, các quan phủ, huyện, châu xét đặt Xã trưởng, hệ là anh em ruột, anh em con chú con bác và bác cháu, cậu cháu với nhau thì cho 1 người làm Xã Trưởng, không được cho cả hai cùng làm...

Trang 75a ĐVSKTT, Thánh Tông Thuần Hoàng Đế (hạ) chép⁶:

Tách câu và Phiên âm

子男女同嫁為婚姻者並不得置為一社社長.[75a*1*1]

tử nam nữ đồng giá vi hôn nhân giả tịnh bất đắc trí vi nhất xã Xã trưởng.

若已為社長宜擇某人能幹事者留餘即奏却還前項.[75a*2*1]

Nhược dĩ vi Xã trưởng nghị trạch mỗ nhân năng cán sự giả lưu dư, tức tấu khước hoàn tiền hạng.

初四日太宗皇帝忌辰.[75a*3*4]

Sơ tứ nhật, Thái Tông Hoàng Đế kị thì.

是夜大風雨決水暴漲散盡民產.[75a*3*13]

Thị dạ, đại phong vũ, quyết thủy bạo trướng, tán tận dân sản.

九月以陶□為翰林院侍講東閣□士.[75a*5*1]

Cửu nguyệt, dĩ Đào Cử vi Hàn lâm viện thị giảng Đông các học sĩ.

上賜以天南餘暇一部并賜和梁江夜興詩一首及賜錢二十五

貫 . [75a*5*16]

Thượng tứ dĩ Thiên Nam dư hạ nhất bộ, tỉnh tứ hoạ Lương Giang dạ hưng thi nhất thủ, cập tứ tiền nhị thập ngũ quán.

二十三日修作牧馬場馬厰例 . [75a*7*6]

Nhị thập tam nhật, tu tác mục mã trường, mã cứu lệ.

冬十一月十七日帝弗豫 . [75a*8*1]

Đông, thập nhất nguyệt, thập thất nhật, đế phát dự.

諭行在東閣大學士申仁忠 □士陶 □云雲去天中月懸空際雲來 . [75a*8*11]

Dụ hành tại Đông các đại học sĩ Thân Nhân Trung, Học sĩ Đào Cừ vân: vân khứ thiên trung, nguyệt huyền không tế, vân lai...

Dịch Quốc Ngữ

và thông gia cùng gả bán cho nhau đều không được cùng làm Xã trưởng trong 1 xã. Nếu đã có Xã trưởng rồi, cũng nên chọn người nào có thể làm được việc thì lưu lại, còn thì tâu lên để cho về hạn cũ...

(2) Hồi ty dưới thời vua Minh Mạng triều Nguyễn

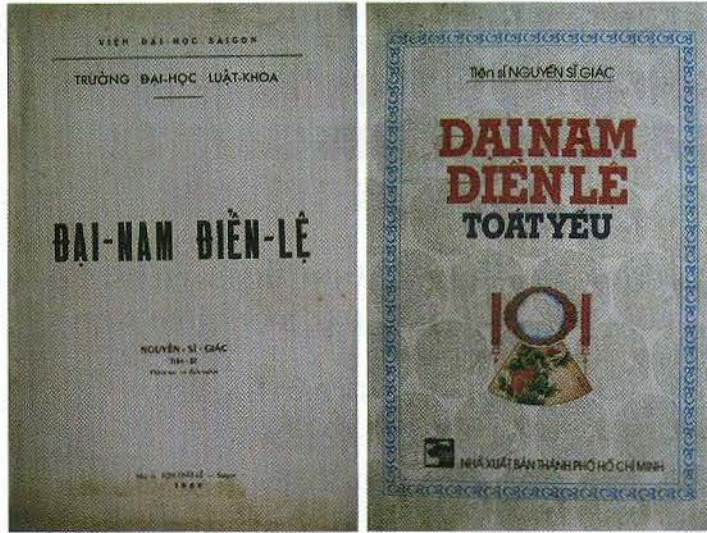
Theo các kết quả nghiên cứu và các bộ sử triều Nguyễn ghi lại, luật/lệ “hồi ty” được ban hành vào triều Minh Mạng (1831) và được sửa đổi bổ sung vào năm 1836. Luật/lệ “hồi ty” của triều Nguyễn cơ bản kế thừa từ các quy định của Quốc triều hình luật thời Lê Thánh Tông nhưng được bổ sung, mở rộng phạm vi áp dụng với những quy định nghiêm ngặt hơn.

Một số nội dung chính cụ thể là:

- Quan lại không được tậu đất, vườn, ruộng, nhà tại nơi cai quản;
- Quan lại không được lấy người cùng quê làm người giúp việc;
- Người có quan hệ thầy trò, bạn bè không được làm việc tại cùng một công sở;
- Các lại dịch nha môn, các bộ ở kinh đô và các tỉnh là con, anh em ruột, anh em con chú, con bác với nhau thì phải tách ra, đổi bỏ đi nơi khác;
- Các quan lại không được làm quan ở nơi trú quán (nơi ở một thời gian lâu), ở quê vợ, quê mẹ mình, thậm chí cả nơi học tập lúc nhỏ hoặc lúc trẻ tuổi;
- Các lại mục, thông lại cũng không được làm việc ở phủ huyện là quê hương mình;
- Các lại mục, thông lại các nha thuộc các phủ huyện là người cùng làng cũng phải chuyển bỏ đi nơi khác;
- Các quan viên từ Tham biện trở lên ở các trấn, tỉnh về kinh đô châu được dự đình nghị, song khi trong các cuộc họp có bàn việc liên quan đến địa phương mà mình nhậm trị thì không được vào dự;
- Các khảo quan (coi thi, chấm thi) có người thân thích dự thi ở trường mình thì phải báo lên cấp trên để tránh đi. Nếu cố tình không khai báo sẽ bị trọng tội vì cố ý làm trái;
- Các quan thanh tra, xét xử thấy trong vụ án, vụ điều tra có người thân quen của mình (bà con nội, ngoại, bạn thân...) đều phải khai báo và “hồi ty” ngay.

Sau này, vua Thiệu Trị quy định thêm một số nội dung mang tính chặt chẽ hơn như:

- Cấm quan đầu tỉnh lấy vợ trong trị hạt vì sợ gia đình vợ những nhiễu;
- Cấm các quan tậu ruộng vườn, nhà cửa trong trị hạt vì sợ quan hiếp dân để được mua rẻ;
- Cấm tư giao với đàn bà con gái trong trị hạt;



- Cấm các quan lại đã về hưu quay lại cửa công để cầu cạnh.

Những quy định trong luật “hồi tỵ” được áp dụng dưới triều vua Lê Thánh Tông và vua Minh Mệnh rất cụ thể, đối tượng và phạm vi áp dụng luật rất rộng, đã góp phần làm cho bộ máy nhà nước được củng cố, tránh được tình trạng cục bộ, bè phái, địa phương chủ nghĩa, các cơ quan nhà nước hoạt động có hiệu lực và hiệu quả hơn.

(3) Thời đại Hồ Chí Minh

Ngay từ những năm đầu của chế độ “Việt Nam Dân chủ cộng hòa”, trong *Thư gửi các đồng chí Bắc Bộ* viết ngày 01/3/1947 và sau đó là *Thư gửi các đồng chí Trung Bộ*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã yêu cầu tránh các việc như sau:

Những đồng chí còn giữ thói một người làm quan cả họ được nhờ, đem bà con, bạn hữu đặt vào chức này việc kia, làm được hay không, mặc kệ. Hồng việc, Đoàn thể chịu, cốt cho bà con, bạn hữu có địa vị là được⁷.

Từ dòng chảy lịch sử nói trên, từ những phát hiện các yếu tố “hồi tỵ”, các bài kế tiếp của chuyên đề “*Luật hồi tỵ và những dấu ấn trong Châu bản triều Nguyễn - Di sản tư liệu thế giới, những giá trị của truyền thống dụng nhân, trị quốc*”, chúng tôi sẽ đi vào những trường hợp cụ thể được ghi nhận trong các Châu bản triều Nguyễn - thông tin gốc sẽ cho thấy những giá trị sử liệu chân xác và những quy định mang tính pháp lí trong các Châu bản – một trong những yếu tố có tính cơ sở, bản chất quan trọng mang tầm vóc của Di sản tư liệu thế giới./.

Chú thích:

1. Hồi tỵ/Hồi tị đều có nghĩa là tránh đi. Tham khảo: “quyền của các bên tham gia tố tụng yêu cầu toà án thay đổi thẩm phán, hội thẩm nhân dân, kiểm sát viên, thư kí phiên toà, người giám định, người phiên dịch khi có lí do chính đáng. Lí do chính đáng ở đây được hiểu là những người bị yêu cầu thay thế do phía bên này nêu ra khi thấy những người đó là họ hàng thân thích của phía bên kia hoặc có bằng chứng chứng minh rằng họ không vô tư khi tiến hành xét xử và ra quyết định, bản án. HT là thuật ngữ cũ, hiện nay không dùng trong các văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam. Nhưng nội dung và quy định về HT vẫn được quy định trong các văn bản pháp luật tố tụng của Việt Nam (vd. điều 14 Bộ luật tố tụng hình sự quy định về bảo đảm sự vô tư của những người tiến hành hoặc tham gia tố tụng hình sự). Nguồn: bachkhoatoanthu.vass.gov.vn/noidung/tudien/Lists/GiaiNghia/
2. en.wikipedia.org/wiki/Rule_of_avoidance
3. bachkhoatoanthu.vass.gov.vn/noidung/tudien/Lists/GiaiNghia/
4. nomfoundation.org/nom-project/history-of-greater-vietnam/Fulltext/61-Thanh-Tong-Thuan-Hoang-De-ha?uiLang=vn
5. nomfoundation.org/nom-project/history-of-greater-vietnam/Fulltext/61-Thanh-Tong-Thuan-Hoang-De-ha?uiLang=vn
6. Hồ Chí Minh toàn tập. T5, Nxb. CTQG, Hn 1995, tr 71-76